

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2020
V/v tranh chấp về thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

Bà Phạm Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Hùng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 547/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thùy D; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 182 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 127/618 N, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phan A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48/55 N, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 83/20 T, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng (thuê nhà ở từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2020); hiện ở: Số 54/19 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng (thuê nhà ở từ ngày 01/7/2020 đến nay); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn (chị Phạm Thùy D) trình bày: Tôi và anh Nguyễn Phan A đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2013/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng. Tại Quyết định ghi nhận về con chung: Hai bên có 02 con chung là Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Phạm Bảo C, sinh ngày 13/4/2010, khi ly hôn giao cả hai con chung cho anh Phan A nuôi dưỡng. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi ly hôn đến nay, các cháu Minh P và Bảo C có nguyện vọng muốn về ở với tôi và tôi cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng các cháu đến khi thành niên do; hiện nay tôi đã có nhà riêng, có thời gian và thu nhập ổn định để chăm sóc các cháu. Anh Phan A thường xuyên đi làm xa, không có nhà riêng và nơi ở không ổn định nên các cháu thường xuyên phải ở với ông bà nội dẫn đến thiếu tình cảm và sự chăm sóc giáo dục trực tiếp từ bố, mẹ; ngoài ra anh Phan A hiện đã xây dựng gia đình với người phụ nữ khác. Nay để đảm bảo việc chăm sóc giáo dục các con, tôi đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu từ anh Phan A cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng các cháu đến 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh Phan A phải cấp dưỡng nuôi con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc anh Phan A có ý kiến hai bên đã có văn bản thỏa thuận là anh Phan A đồng ý giao cả hai con chung cho tôi nuôi dưỡng trong thời hạn 02 năm với một số điều kiện như thỏa thuận giữa chúng tôi lập tại Văn phòng Thừa phát lại H. Tôi thừa nhận có việc này mặc dù có những yêu cầu không đúng nhưng vì lúc đó tôi không được anh Phan A cho đón, gặp mặt các con, trong khi các cháu muốn ở với tôi nên tôi đã phải ký vào vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại H lập. Tôi không đồng ý nội dung trong vi bằng đã lập nên đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của tôi và nguyện vọng của các cháu đã trình bày tại Tòa án có sự giám hộ của tôi với anh Phan A. Việc anh Phan A nói tôi không trực tiếp đưa đón các cháu là không có căn cứ, vì thỉnh thoảng vào buổi sáng do các cháu đi học thêm cùng đường với ông ngoại đi làm tiện đường ông ngoại đã đưa đi còn việc đón và khi các cháu đi học chính khóa thì tôi là người đưa đón. Tôi có nhà riêng ở ổn định tại số 127/618 N (nhà này anh Phan A đã có thời gian ở cùng tôi và các con), năm 2018 tôi thành lập Doanh nghiệp với tên là Công ty TNHH Giao nhận P.C.P, tôi là giám đốc công ty lên thời gian làm việc của tôi tự do, do tôi quyết định nên có thời gian chăm sóc, giáo dục các cháu; thu nhập của tôi hàng tháng trên dưới 29.000.000 đồng. Việc anh Phan A nêu các cháu sức khỏe không tốt, lực học của các cháu đi xuống là không có căn cứ vì sau đợt nghỉ dịch Covid 19 dài ngày khi các cháu đi học sẽ chưa bắt kịp nhịp, việc học của cháu tôi đã có ý kiến với cô giáo chủ nhiệm của các cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn (anh Nguyễn Phan

A) trình bày:

Tôi đồng ý lời trình bày của chị D về việc hai bên đã ly hôn và quyết định của Tòa án cho hai bên ly hôn và giao cả hai con chung cho tôi nuôi dưỡng từ năm 2013 đến nay. Đối với việc chị D yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, tôi không đồng ý với các lý do sau:

Thứ nhất, tôi với chị D đã thỏa thuận về việc chị D nuôi các con chung bằng văn bản (vi bằng) do Văn phòng Thừa phát lại Hải Phòng lập, tôi chỉ đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng khi chị D thực hiện đúng thỏa thuận tại vi bằng và sau hai năm kể từ ngày ký thỏa thuận tại vi bằng. Tuy nhiên, trong thời gian qua các cháu ở với chị D không đúng thỏa thuận giữa chúng tôi như việc đưa đón các cháu, chị D không phải là người trực tiếp hàng ngày đưa đón các cháu đi học.

Thứ hai, về lực học và sức khỏe của các cháu đi xuống không như thời gian các cháu ở với tôi.

Việc tôi thuê nhà ở với chị Trần Thị N và cháu Hoàng Thanh P (con riêng chị Nhật) là đúng; tôi với chị N chung sống với nhau nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nhà nơi tôi đăng ký hộ khẩu thường trú là nơi bố mẹ ở, việc tôi thuê nhà ở nhiều nơi do khi hết hợp đồng chủ nhà không cho thuê nữa lên tôi phải đi thuê chỗ khác. Hiện tại công việc của tôi là kinh doanh tự do lên hay phải đi công tác nhưng vẫn đảm bảo được thời gian đưa đón các cháu, về thu nhập hàng tháng của tôi do làm tự do lên không có bảng lương để giao nộp cho Tòa án. Việc chị D trình bày về nhà riêng, thu nhập hay vấn đề khác của chị D tôi không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Phạm Thùy D.

Giao con chung Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Phạm Bảo C, sinh ngày 13/4/2010 cho chị Phạm Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh Phan A cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Phan A và chị Phạm Thùy D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và Sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2013/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Tại Quyết định ghi nhận về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Phạm Bảo C, sinh ngày 13/4/2010 cho anh Phan A nuôi dưỡng. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh Phan A trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phạm Minh P và Nguyễn Phạm Bảo C nhưng từ tháng 3 năm 2020 đến nay, hai cháu đã chuyển về ở cùng chị D.

[3] Căn cứ lời khai của các bên phù hợp biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Phan A thuê cung cấp, xác định anh Phan A thuê nhà ở tại địa chỉ số 83/20 T, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2020 và từ ngày 01/7/2020 thuê nhà ở tại số 54/19 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; việc thuê nhà theo anh Phan A trình bày ở cùng chị Trần Thị N (là người chung sống như vợ chồng với anh Phan A nhưng chưa đăng ký kết hôn) và con riêng của chị N là cháu Hoàng Thanh P; anh Phan A vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên không có mặt ở nơi thuê nhà; trong thời gian anh Phan A thuê nhà ở nơi khác thì cháu Nguyễn Phạm Minh P, cháu Nguyễn Phạm Bảo C do bố mẹ anh Phan A chăm sóc nuôi dưỡng và từ tháng 3/2020 hai cháu đã về ở với chị D.

[4] Xét về nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Phạm Minh P và Nguyễn Phạm Bảo C; tại biên bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng của hai cháu ngày 30/5/2020 tại Tòa án trước sự giám hộ của anh Phan A và chị D cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với chị D và các cháu đều trình bày chị D có điều kiện về thời gian đảm bảo cho các cháu về mọi mặt cũng như đảm bảo được việc ăn ở, học hành; hiện hai cháu đang ở, sinh hoạt cùng chị D rất ổn định.

[5] Xét việc anh Phan A cho rằng giữa anh và chị D đã ký kết thỏa thuận theo Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại H lập ngày 26/3/2020 chị D đã không thực hiện đúng nên anh không đồng ý thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung theo yêu cầu của chị D; việc chị D trình bày vì các con chung của chị với anh Phan A có nguyện vọng ở với chị và chị có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc các con chung lên chị đã phải ký vào Vi bằng để đón các cháu về ở cùng chị. Theo Nghị Định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 và Nghị Định 135/2009/NĐ-CP ngày 18/10/2013 của Chính phủ và Nghị Quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 của Quốc hội thì Vi bằng là tài liệu được dùng làm chứng cứ khi giải quyết vụ án; về nội dung Vi bằng hai bên thiết lập thực hiện đúng quy định của pháp luật; theo tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập và do đương sự xuất trình thì những ý kiến của anh Phan A cho rằng chị D không thực hiện đúng thỏa thuận của hai bên, ngoài lời trình bày ra anh Phan A không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nên ý kiến của anh Phan A cũng như ý kiến của chị D chưa có cơ sở để xem xét.

[6] Về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị D hiện là Giám đốc doanh nghiệp có thu nhập bình quân khoảng 29.000.000 đồng/tháng, chị D có nhà riêng ở ổn định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 07/11/2014 mang tên chị D). Đối với anh Phan A không đưa ra được tài liệu chứng minh về thu nhập, công việc anh trình bày kinh doanh tự do và thừa nhận thường xuyên phải đi xa; mặt khác anh Phan A không có nhà riêng phải đi thuê nhà ở cùng với người phụ nữ khác và con riêng của người này; việc thuê nhà không cố định anh Phan A và những người này thường xuyên thay đổi nơi thuê. Do vậy, tại thời điểm chị D có đơn yêu cầu cho thấy chị D có đủ điều kiện và tốt hơn anh Phan A; để đảm bảo việc chăm sóc giáo dục các con chung cũng như việc chị D không cần anh Phan A cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo lợi ích tốt nhất và sự phát triển toàn diện về mọi mặt của cháu P và cháu C; đặc biệt cần phải đảm bảo sự ổn định về nơi ở cũng như cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ; nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các cháu P và C, phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như Luật Trẻ em và các quy định khác của pháp luật.

Sau này nếu hai bên có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thùy D phải chịu án phí thay đổi nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Phạm Thùy D.

Giao con chung Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Phạm Bảo C, sinh ngày 13/4/2010 cho chị Phạm Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phạm Thùy D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí thay đổi nuôi con sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị D đã nộp đủ tại biên lai thu tiền số 0013870 ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thùy D và anh Nguyễn Phan A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc

